

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2017/783294/HĐTD. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng 120.000.000.000 trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn chưa đến hạn thanh toán được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng hạn mức số 01/2016/783294/HĐTD ngày 26 tháng 5 năm 2016 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2017/783294/HĐTD ngày 30/05/2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ giá trị phần xây lắp và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của nhà máy chế biến CaCO₃; nhà máy xi măng lò quay; nhà máy xi măng lò đứng; văn phòng công ty; xí nghiệp khai thác đá thuộc Công ty CP xi măng khoáng sản Yên Bái.

(**) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình theo hợp đồng tín dụng số 110-2017/HĐTD ngày 18 tháng 10 năm 2017, hạn mức tín dụng 90.000.000.000 (chín mươi tỷ đồng) trong đó đã bao gồm dư nợ vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 20161005/HĐTD ký ngày 05 tháng 10 năm 2016. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 -2018. Khoản vay này được đảm bảo 100% bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 110-2017/HĐTC là quyền khai thác khoáng sản số 318/CP-BTNMT do Bộ tài nguyên môi trường cấp phép ngày 28/03/2016 và giấy phép khai thác khoáng sản số 2943/CP-BTNMT do Bộ trưởng bộ Tài nguyên môi trường cấp cho Công ty cổ phần Xi măng và khoáng sản Yên Bái ngày 21 tháng 12 năm 2016.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số tiền vay				
	Số đầu năm	phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	178.513.000.769	400.729.861.988	-	(369.280.078.969)	209.962.783.788
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	119.942.129.221	212.781.518.511	-	(212.725.734.555)	119.997.913.177
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình	58.570.871.548	187.948.343.477	-	(156.554.344.414)	89.964.870.611
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác	-	22.190.560.000	-	(6.900.000.000)	15.290.560.000
Vay dài hạn đến hạn trả	20.980.988.000	-	34.188.012.000	(25.888.000.000)	29.281.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	20.980.988.000	-	32.788.012.000	(25.888.000.000)	27.881.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái	-	-	1.400.000.000	-	1.400.000.000
Cộng	199.493.988.769	422.920.421.988	34.188.012.000	(402.068.078.969)	254.534.343.788

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	59.100.250.000	59.100.250.000	86.328.262.000	86.328.262.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (***)	54.200.250.000	54.200.250.000	86.328.262.000	86.328.262.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái (****)	4.900.000.000	4.900.000.000	-	-
Vay dài hạn các tổ chức cá nhân khác	14.631.299.400	14.631.299.400	16.781.000.000	16.781.000.000
Cộng	73.731.549.400	73.731.549.400	103.109.262.000	103.109.262.000

(***) : Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam –Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 01/2011/HĐ ngày 13/10/2011 để đầu tư cải tạo nhằm tiết kiệm điện năng, nâng cao năng suất nghiền xi măng và nghiền siêu mịn bột Cacbonat Canxi, tăng cường năng lực khai thác đá nguyên liệu với thời gian vay là 07 năm (Từ năm 2011 đến năm 2018). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/HĐTD ngày 28/9/2005 Đồng tài trợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái trong đó Ngân hàng đầu mối là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Mục đích vay là đầu tư xây dựng công trình mở rộng nhà máy xi măng Yên Bái công suất 300.000 tấn Klinker/năm với thời gian vay là 07 năm (Từ năm 2008 đến năm 2014) và được ân hạn 02 năm (Từ năm 2005 đến năm 2007). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần. Hợp đồng vay này được điều chỉnh giãn lịch trả nợ khoản vay dài hạn đầu tư các dây chuyền sản xuất từ năm 2014 lên năm 2019 (Gia hạn thêm 05 năm).

- Hợp đồng số 01/2012/HĐTD ngày 28/7/2012 Vay trả nợ vay ngắn hạn (Bù đắp một phần mất cân đối vốn- Thiếu hụt vốn tự có Dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Nhà máy xi măng Yên Bái Công suất 300.000 tấn Clinker/năm) thời hạn vay 07 năm (Từ năm 2012 đến năm 2019). Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/2013/HĐTD ngày 10/12/2013 Vay trả nợ vay ngắn hạn (Bù đắp một phần mất cân đối vốn- đầu tư tài sản cố định năm 2011 từ nguồn vốn ngắn hạn) thời hạn vay 07 năm (Từ năm 2013 đến năm 2020). Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 01/2012/HĐ ngày 13/3/2012.

- Hợp đồng số 02/2014/783294/HĐTD ngày 27/06/2014 đầu tư mở rộng sản xuất nhà máy CaCO₃ với thời gian 7 năm(Từ năm 2014 đến năm 2021). Khoản này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/783294/HĐBĐ ngày 13/06/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản.Lãi suất vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Hợp đồng số 01/2015/783294/HĐTD ngày 17/6/2015. Mục đích vay: tài trợ dự án Đầu tư trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm, số tiền vay 22.000.000.000 với thời gian 7 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm áp dụng đến 17/12/2015 và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV; Tài sản đảm bảo là Trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm thuộc nhà máy xi măng Yên Bái và Quyền khai thác mỏ đá

(****) Là khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh tỉnh Yên Bái theo Hợp đồng tín dụng số 01.2017/HĐTD-YBC ngày 24 tháng 1 năm 2017 mục đích mua 5 máy xúc đào Komatsu phục vụ sản xuất nguyên liệu. Số tiền vay là 7.000.000.000 VND với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất tiền vay theo thỏa thuận của các bên trên nguyên tắc bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả sau của Agribank cộng thêm tỷ lệ nhất định. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Bù trừ công nợ	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	86.328.262.000	7.000.000.000	(40.000.000)	(34.188.012.000)	-	59.100.250.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (a)	86.328.262.000	-	(40.000.000)	(32.088.012.000)	-	54.200.250.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái (b)	-	7.000.000.000	-	(2.100.000.000)	-	4.900.000.000
Vay dài hạn các tổ chức cá nhân khác	16.781.000.000	4.800.000.000	(2.050.000.000)	-	(4.899.700.600)	14.631.299.400
Cộng	103.109.262.000	11.800.000.000	(2.090.000.000)	(34.188.012.000)	(4.899.700.600)	73.731.549.400

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	58.374.300.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(42.567.738.704)	33.387.965.819
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	2.157.713.765	2.157.713.765
Số dư cuối năm trước	58.374.300.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(40.410.024.939)	35.545.679.584
Số dư đầu năm nay	58.374.300.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(40.410.024.939)	35.545.679.584
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	3.125.488.125	3.125.488.125
Số dư cuối năm nay	58.374.300.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(37.284.536.814)	38.671.167.709

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	5.837.430	5.837.430
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.837.430	5.837.430
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.837.430	5.837.430
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(25.820)	(25.820)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(25.820)	(25.820)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.811.610	5.811.610
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.811.610	5.811.610

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán tổng hợp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	193,97	259,61
Euro (EUR)	0,16	0,16

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu		
- Doanh thu bán thành phẩm	490.704.749.511	466.363.695.196
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.180.604	966.405.107
Doanh thu thuần	490.779.930.115	467.330.100.303

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	438.491.994.583	425.985.276.181
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	75.180.604	966.405.107
Cộng	438.567.175.187	426.951.681.288

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.553.095	3.255.744
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	42.452
Cộng	15.553.095	3.298.196

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	30.216.227.177	25.757.780.649
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(284.293.052)	(399.382.207)
Cộng	29.931.934.125	25.358.398.442

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.137.736.187	1.209.518.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	754.258.455	355.232.721
Các chi phí khác	762.324.771	2.046.814.402
Cộng	2.654.319.413	3.611.566.094

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.254.793.356	5.656.202.811
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	56.725.000	211.282.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.183.069	196.181.110
Thuế, phí và lệ phí	878.200.950	237.981.477
Dự phòng phải thu khó đòi	584.798.002	198.523.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.068.673.696	833.743.613
Các chi phí khác	2.378.526.337	2.965.151.151
Cộng	11.385.900.410	10.299.066.929

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	158.954.544
Thu từ bán tấm lót máy nghiền	-	506.050.000
Hỗ trợ sau đầu tư DA ĐTXDCT mở rộng NMXM CS 300.000T/clinke	-	1.685.155.000
Thu nhập khác	-	1.840.000
Cộng	-	2.351.999.544

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp bảo hiểm	408.641.950	686.077.852
Chi phí bán tấm lót máy nghiền	-	241.801.516
Giá trị còn lại của tài sản cố định	-	52.603.971
Chi phúc lợi trong năm	85.020.000	105.000.000
Các khoản truy thu phạt theo quyết toán thuế	4.502.593.350	-
Phạt vi phạm hành chính	94.697.635	35.203.186
Chi phí khác	39.713.015	186.285.000
Cộng	5.130.665.950	1.306.971.525

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.125.488.125	2.157.713.765
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.077.932.935	721.281.038
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.077.932.935	721.281.038
Tiền phạt truy thu thuế theo biên bản thanh tra thuế	4.502.593.350	-
Lãi chậm nộp bảo hiểm	408.641.950	686.077.852
Phạt vi phạm hành chính	94.697.635	35.203.186
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	72.000.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	8.203.421.060	2.878.994.803
Lỗ các năm trước được chuyển	(8.203.421.060)	(2.878.994.803)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.125.488.125	2.157.713.765
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.125.488.125	2.157.713.765
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.811.610	5.811.610
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	537,80	371,28

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.811.610	5.811.610
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.811.610	5.811.610

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**1. Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay
Thanh toán tiền vay bằng bù trừ công nợ	4.899.700.600

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a) Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.347.044.538	1.039.688.218
Cộng	1.347.044.538	1.039.688.218

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

b) Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tài Tây Bắc	Ông Phạm Việt Thương Ủy viên HĐQT của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tài Tây Bắc

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tài Tây Bắc		
Phải thu tiền bán xi măng	474.456.000	-
Thu tiền bán xi măng	558.048.000	-
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	25.219.897.344	-
Trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	28.908.048.000	-
Bù trừ công nợ	6.720.000	-

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3; V.12.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh Xi măng và Klinker

Lĩnh vực kinh doanh Bột đá

Lĩnh vực khác (Bao gồm khai thác đá và vận chuyển)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm nay	Xi măng	Klinker	Bột đá	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	328.301.594.477	4.478.401.347	147.122.323.021	10.877.611.270	490.779.930.115
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	328.301.594.477	4.478.401.347	147.122.323.021	10.877.611.270	490.779.930.115
Chi phí theo bộ phận	291.202.523.018	4.830.629.779	132.331.725.726	10.202.296.664	438.567.175.187
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					52.212.754.928
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(14.040.219.823)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					38.172.535.105
Doanh thu hoạt động tài chính					15.553.095
Chi phí tài chính					(29.931.934.125)
Chi phí khác					(5.130.665.950)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					3.125.488.125
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	57.991.514.513	791.069.191	25.987.830.928	1.921.431.886	86.691.846.518
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	23.041.054.760	314.305.786	10.325.425.031	763.418.884	34.444.204.461

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm	Xi măng và klinker	Bột đá	Lĩnh vực khác	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	20.792.340.458	2.591.552.889	-	23.383.893.347
Tài sản phân bổ cho bộ phận	376.038.804.493	191.021.728.368	-	567.060.532.861
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	20.089.476.998
Tổng tài sản				610.533.903.206
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	18.672.060.943	15.815.333.043	-	34.487.393.986
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	236.966.636.198
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	300.408.705.313
Tổng nợ phải trả				571.862.735.497
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	20.959.125.730	1.832.675.850	-	22.791.801.580
Tài sản phân bổ cho bộ phận	201.942.184.507	136.088.024.980	-	338.030.209.487
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	183.894.343.195
Tổng tài sản				544.716.354.262
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	25.438.663.541	12.243.777.117	-	37.682.440.658
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	200.179.550.935
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	271.308.683.085
Tổng nợ phải trả				509.170.674.678

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.025.703.885	2.808.564.388	1.025.703.885	2.808.564.388
Phải thu khách hàng	58.721.003.038	70.374.953.623	58.721.003.038	70.374.953.623
Các khoản phải thu khác	19.028.206.563	9.025.220.672	19.028.206.563	9.025.220.672
Cộng	78.774.913.486	82.208.738.683	78.774.913.486	82.208.738.683

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	328.265.893.188	302.603.250.769	328.265.893.188	302.603.250.769
Phải trả người bán	172.983.298.262	168.215.651.484	172.983.298.262	168.215.651.484
Các khoản phải trả khác	50.820.094.350	30.123.436.889	50.820.094.350	30.123.436.889
Cộng	552.069.285.800	500.942.339.142	552.069.285.800	500.942.339.142

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	254.534.343.788	73.731.549.400	-	328.265.893.188
Phải trả người bán	172.983.298.262	-	-	172.983.298.262
Các khoản phải trả khác	50.820.094.350	-	-	50.820.094.350
Cộng	478.337.736.400	73.731.549.400	-	552.069.285.800
Số đầu năm				
Vay và nợ	199.493.988.769	103.109.262.000	-	302.603.250.769
Phải trả người bán	168.215.651.484	-	-	168.215.651.484
Các khoản phải trả khác	30.123.436.889	-	-	30.123.436.889
Cộng	397.833.077.142	103.109.262.000	-	500.942.339.142

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 37.284.536.814 đồng chiếm 63,87% vốn đầu tư của chủ sở hữu và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 251.632.180.533 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt nam – Chi nhánh Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty, Báo cáo tài chính theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng Cân đối Kế toán tổng hợp đã được Công ty phân loại lại cho phù hợp với hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp- Chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước		
	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh	
Thuế tài nguyên	1.348.730.280	(612.912.900)	735.817.380
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.165.876.857	612.912.900	630.490.722

Lập ngày 19 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Tiến

Nguyễn Mạnh Cường

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng		Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	
Công nợ phải thu khách hàng	-	6.134.579.065	5.693.077.583	-		6.580.726.328	5.108.279.581	
20 MICRONS LIMITED	Quá hạn trên 3 năm	82.852.241	82.852.241	Quá hạn trên 3 năm		82.852.241	82.852.241	
20 MICRONS SDN. BHD.	Quá hạn trên 3 năm	16.543.384	16.543.384	Quá hạn trên 3 năm		16.543.384	16.543.384	
Bà Hương Cài	Quá hạn trên 3 năm	9.594.600	9.594.600	Quá hạn trên 3 năm		9.594.600	9.594.600	
Bà Hào	Quá hạn trên 3 năm	17.540.000	17.540.000	Quá hạn trên 3 năm		17.540.000	17.540.000	
Bà Lơn - Km 13	Quá hạn trên 3 năm	11.736.000	11.736.000	Quá hạn trên 3 năm		11.736.000	11.736.000	
CN CtyTNHHITV hơi KN que hàn-NM								
ĐD&HC Trảng Kênh	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	166.436.500	83.218.250	Quá hạn dưới 1 năm		166.436.500	49.930.950	
Cty TNHH xi măng Việt Quang	Quá hạn trên 3 năm	99.820.600	99.820.600	Quá hạn trên 3 năm		99.820.600	99.820.600	
Cty TNHH TM và Đầu tư Bắc Việt	Quá hạn trên 3 năm	39.500.000	39.500.000	Quá hạn trên 3 năm		39.500.000	39.500.000	
Công ty CP cơ khí thương mại Đức Hùng			-	Quá hạn trên 3 năm		126.580.000	126.580.000	
Công ty CP sản xuất thương mại ATD	Quá hạn trên 3 năm	6.400.000	6.400.000	Quá hạn trên 3 năm		6.400.000	6.400.000	
Công ty CP TM & ô tô Hàn Việt	Quá hạn trên 3 năm	68.000.000	68.000.000	Quá hạn trên 3 năm		68.000.000	68.000.000	
Công ty CP XD & PT cơ sở hạ tầng								
VINASHIN	Quá hạn trên 3 năm	59.700.000	59.700.000	Quá hạn trên 3 năm		59.700.000	59.700.000	
Công ty CP XD phát triển Hoà Anh	Quá hạn trên 3 năm	21.600.000	21.600.000	Quá hạn trên 3 năm		21.600.000	21.600.000	
Công ty CP XD và thương mại Tiến Thành	Quá hạn trên 3 năm	17.758.006	17.758.006	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm		17.758.006	12.430.604	
Công ty CP xi măng Lai Châu	Quá hạn trên 3 năm	123.905.700	123.905.700	Quá hạn trên 3 năm		123.905.700	123.905.700	
Công ty CP XL và Thương mại Ba Vì	Quá hạn trên 3 năm	7.420.410	7.420.410	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm		7.420.410	5.194.287	
Công ty CP đầu tư & PT Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	15.200.000	15.200.000	Quá hạn trên 3 năm		15.200.000	15.200.000	
Công ty cổ phần Thông Việt	Quá hạn trên 3 năm	444.956.000	444.956.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm		444.956.000	311.469.200	
Công ty cổ phần xây dựng và Đầu tư Hà Nội	Quá hạn trên 3 năm	104.820.000	104.820.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm		104.820.000	73.374.000	
Công ty cổ phần giao thông - Xây dựng HJC1	Quá hạn trên 3 năm	6.385.000	6.385.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm		6.385.000	4.469.500	
Công ty cổ phần Hoá phẩm Dầu khí DMC - Miền bắc	Quá hạn trên 3 năm	6.569.045	6.569.045	Quá hạn trên 3 năm		6.569.045	6.569.045	
Công ty cổ phần LILAMA 3	Quá hạn trên 3 năm	175.784.204	175.784.204	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm		175.784.204	123.048.943	
Công ty cổ phần sản xuất và vận tải Thái Sơn	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	325.250.000	162.625.000	Quá hạn dưới 1 năm		325.250.000	97.575.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

Mã số thuế	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
	Quá hạn trên 3 năm			Quá hạn trên 3 năm		
Công ty cổ phần XD và TM Sóng Hồng	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000	58.200.000	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000	58.200.000
Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thanh Xuân	Quá hạn trên 3 năm	310.695.000	310.695.000	Quá hạn trên 3 năm	310.695.000	310.695.000
Công ty cổ phần xây lắp và Đầu tư Sóng Đà	Quá hạn trên 3 năm	105.860.000	105.860.000	Quá hạn trên 3 năm	105.860.000	105.860.000
Công ty cầu 13	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000
Công ty TM Hạ Long	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000
Công ty TNHH Bình Minh	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400
Công ty TNHH Chiến Công	Quá hạn trên 3 năm	52.160.000	52.160.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	52.160.000	36.512.000
Công ty TNHH Chính Dũng	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000
Công ty TNHH Duy Thanh	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300
Công ty TNHH Gia Phát	Quá hạn trên 3 năm	40.000.000	40.000.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	40.000.000	28.000.000
Công ty TNHH Hải Ninh	Quá hạn trên 3 năm	8.285.500	8.285.500	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	8.285.500	5.799.850
Công ty TNHH Hợp Lực	Quá hạn trên 3 năm	55.500.000	55.500.000	Quá hạn trên 3 năm	55.500.000	55.500.000
Công ty TNHH Hùng dũng	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550
Công ty TNHH kỹ nghệ Thái Dương	Quá hạn trên 3 năm	156.800.000	156.800.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	156.800.000	109.760.000
Công ty TNHH Long Thịnh	Quá hạn trên 3 năm	87.100.000	87.100.000	Quá hạn trên 3 năm	87.100.000	87.100.000
Công ty TNHH Lập Hồng	Quá hạn trên 3 năm	-	-	Quá hạn dưới 1 năm	25.200.000	7.560.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và XD Quốc Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	44.550.000	44.550.000	Quá hạn trên 3 năm	44.550.000	44.550.000
Công ty TNHH một thành viên 207	Quá hạn trên 3 năm	106.400.000	106.400.000	Quá hạn trên 3 năm	106.400.000	106.400.000
Công ty TNHH một thành viên thương mại Hùng Cường	Quá hạn trên 3 năm	54.000.000	54.000.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	54.000.000	37.800.000
Công ty TNHH một thành viên Việt Nhi	Quá hạn trên 3 năm	14.400.000	14.400.000	Quá hạn trên 3 năm	14.400.000	14.400.000
Công ty TNHH một thành viên Tây Bắc	Quá hạn trên 3 năm	130.000.000	130.000.000	Quá hạn trên 3 năm	130.000.000	130.000.000
Công ty TNHH Nam Thanh	Quá hạn trên 3 năm	330.718.000	330.718.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	330.718.000	231.502.600
Công ty TNHH Ngọc Hà Tuyên Quang	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	85.310.000	42.655.000	Quá hạn dưới 1 năm	85.310.000	25.593.000
Công ty TNHH Nhung Hùng Lào Cai	Quá hạn trên 3 năm	90.991.000	90.991.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	90.991.000	63.693.700
Công ty TNHH Phước Long	Quá hạn trên 3 năm	-	-	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	15.820.000	11.074.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Phú giang	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000	12.279.000	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000	12.279.000
Công ty TNHH Quang Long	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000
Công ty TNHH SXTM Thái Thịnh Hoàng	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275
Công ty TNHH sản xuất & TM Mỹ Đức	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000
Công ty TNHH Thanh Long	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	10.950.000	5.475.000	Quá hạn dưới 1 năm	10.950.000	3.285.000
Công ty TNHH Thanh Tuấn	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	4.100.000	2.050.000	Quá hạn dưới 1 năm	4.100.000	1.230.000
Công ty TNHH thương mại Gia Tùng	Quá hạn trên 3 năm	20.969.775	20.969.775	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	20.969.775	14.678.843
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Đại Trường Phúc	Quá hạn trên 3 năm	57.300.000	57.300.000	Quá hạn trên 3 năm	57.300.000	57.300.000
Công ty TNHH Thạch Lâm	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm		-	Quá hạn dưới 1 năm	65.180.000	19.554.000
Công ty TNHH TM DV SINABO	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000
Công ty TNHH Tùng Hương	Quá hạn trên 3 năm	93.870.000	93.870.000	Quá hạn trên 3 năm	93.870.000	93.870.000
Công ty TNHH XNK Hoa thắng	Quá hạn trên 3 năm		-	Quá hạn dưới 1 năm	177.329.488	53.198.846
Công ty TNHH xây dựng công trình số VI	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000
Công ty TNHH Đăng Khoa	Quá hạn trên 3 năm	41.950.000	41.950.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	41.950.000	29.365.000
Công ty TNHH Đại Hưng	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000
Công ty TNHH Đất Đá	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400
Cửa hàng Phú lương	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999	3.079.999	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999	3.079.999
DNTN TM - DV - SX Tân Hải Nam	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365
Doanh nghiệp TN Tín Phát	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000
Doanh nghiệp TN Việt Trung	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000
Doanh nghiệp tư nhân Oanh Hiếu	Quá hạn trên 3 năm	33.875.000	33.875.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	33.875.000	23.712.500
Doanh nghiệp tư nhân Thành Lợi	Quá hạn trên 3 năm	35.885.000	35.885.000	Quá hạn trên 3 năm	35.885.000	35.885.000
Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Tập	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	178.436.004	89.218.002	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	178.436.004	53.530.801
Gulshan Polyols Limited	Quá hạn trên 3 năm	849.782	849.782	Quá hạn trên 3 năm	849.782	849.782
Jupiter Chemicals	Quá hạn trên 3 năm	2.853.395	2.853.395	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	2.853.395	1.997.377
Nguyễn Trung Kiên	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000	24.000.000	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Trí Dũng	Quá hạn trên 3 năm	10.100.000	10.100.000	Quá hạn trên 3 năm	10.100.000	10.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn
	Quá hạn trên 3 năm	8.640.000	8.640.000	Quá hạn trên 3 năm
Ngô Chi Dũng	Quá hạn trên 3 năm	3.841.420	3.841.420	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm
Sarthak International	Quá hạn trên 3 năm	60.000.000	295.650	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm
Tạ Văn Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	295.650	295.650	Quá hạn trên 3 năm
VIMAL MICRONS LTD	Quá hạn trên 3 năm	13.055.750	13.055.750	Quá hạn trên 3 năm
Vũ Hoàng Chương	Quá hạn trên 3 năm			
XNCN& DV TMTH Nam Việt- Cty CP tập đoàn Tân Mai	Quá hạn trên 3 năm	98.707.565	98.707.565	Quá hạn trên 3 năm
Xi nghiệp giấy Hiên Hoà	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	10.950.000	Quá hạn trên 3 năm
Ô. Tuy- Cty H/C khoáng sản XD	Quá hạn trên 3 năm	14.832.000	14.832.000	Quá hạn trên 3 năm
Ông Dũng - Sở xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	1.400.000	1.400.000	Quá hạn trên 3 năm
Ông Hưng - Thanh tra	Quá hạn trên 3 năm	24.462.000	24.462.000	Quá hạn trên 3 năm
Ông Núi - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	5.916.000	5.916.000	Quá hạn trên 3 năm
Ông Quý - Sở địa chính	Quá hạn trên 3 năm	2.728.000	2.728.000	Quá hạn trên 3 năm
Ông Sao - Viện nghiên cứu máy	Quá hạn trên 3 năm	10.230.000	10.230.000	Quá hạn trên 3 năm
Ông Thuận - Cục đầu tư	Quá hạn trên 3 năm	3.112.390	3.112.390	Quá hạn trên 3 năm
Ông Thắng	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000	Quá hạn trên 3 năm
Ông Toàn - Cty CPXD & KD nhà	Quá hạn trên 3 năm	5.373.650	5.373.650	Quá hạn trên 3 năm
Ông Trần Ngọc Uy	Quá hạn trên 3 năm	2.160.000	2.160.000	Quá hạn trên 3 năm
Ông Vinh	Quá hạn trên 3 năm	4.982.800	4.982.800	Quá hạn trên 3 năm
Ông Vũ Nuy - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000	3.450.000	Quá hạn trên 3 năm
Ông Đông - Phúc yên	Quá hạn trên 3 năm	142.428.500	142.428.500	Quá hạn trên 3 năm
Ông ưu - Sở xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	2.730.000	2.730.000	Quá hạn trên 3 năm
Đại lý bà Hiệu	Quá hạn trên 3 năm	33.000.000	33.000.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm
Đại lý bà Hợp	Quá hạn trên 3 năm	17.150.000	17.150.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm
Đại lý bà Lịch	Quá hạn trên 3 năm	16.310.000	16.310.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm
Đại lý bà Phương	Quá hạn trên 3 năm	3.028.400	3.028.400	Quá hạn trên 3 năm
Đại lý bà Thu	Quá hạn trên 3 năm			- Quá hạn trên 3 năm
Đại lý bà Tâm	Quá hạn trên 3 năm	3.000.000	3.000.000	Quá hạn trên 3 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Đại lý Hải Huệ	Quá hạn trên 3 năm	31.015.000	31.015.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	31.015.000	21.710.500
Đại lý Hồng Hải	Quá hạn trên 3 năm	24.102.436	24.102.436	Quá hạn trên 3 năm	24.102.436	24.102.436
Đại lý Kế Hồng			-	Quá hạn trên 3 năm	4.691.575	4.691.575
Đại lý Minh Lục	Quá hạn trên 3 năm	54.600.000	54.600.000	Quá hạn trên 3 năm	54.600.000	54.600.000
Đại lý Mơ Nhở	Quá hạn trên 3 năm	14.104.000	14.104.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	14.104.000	9.872.800
Đại lý Thanh Hải			-	Quá hạn trên 3 năm	25.920.000	25.920.000
Đại lý Thanh Sơn	Quá hạn trên 3 năm	48.190.000	48.190.000	Quá hạn trên 3 năm	48.190.000	48.190.000
Đại lý Ông Thành	Quá hạn trên 3 năm	29.320.000	29.320.000	Quá hạn trên 3 năm	29.320.000	29.320.000
Đại lý Ông Cường	Quá hạn trên 3 năm	14.368.004	14.368.004	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	14.368.004	10.057.603
Đại lý Ông Dương	Quá hạn trên 3 năm	170.405.000	170.405.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	170.405.000	119.283.500
Đại lý Ông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	38.579.080	38.579.080	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	38.579.080	27.005.356
Đại lý Ông Hội	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	112.520.460	56.260.230	Quá hạn dưới 1 năm	112.520.460	33.756.138
Đại lý Ông Lưu	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200	15.672.200	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200	15.672.200
Đại lý Ông Minh - Vĩnh yên	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000	1.300.000	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000	1.300.000
Đại lý Ông Mạnh	Quá hạn trên 3 năm	15.940.000	15.940.000	Quá hạn trên 3 năm	15.940.000	15.940.000
Đại lý Ông Nguyễn Phi Long	Quá hạn trên 3 năm	28.831.380	28.831.380	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	28.831.380	20.181.966
Đại lý Ông Nguyễn Văn Tịnh	Quá hạn trên 3 năm	18.098.995	18.098.995	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	18.098.995	12.669.295
Đại lý Ông Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	71.970.000	71.970.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	71.970.000	50.379.000
Đại lý Ông Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	65.801.430	65.801.430	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	65.801.430	46.061.001
Đại lý Ông Vàng	Quá hạn trên 3 năm	34.139.500	34.139.500	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	34.139.500	23.897.650
Đại lý Ông Vỹ	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020	44.348.020	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020	44.348.020
Cộng nợ phải thu khác		29.100.000	29.100.000		29.100.000	29.100.000
Chu thành kiểm (dư trên 141)	Quá hạn trên 3 năm	1.100.000	1.100.000	Quá hạn trên 3 năm	1.100.000	1.100.000
Nguyễn Văn Minh (dư trên 141)	Quá hạn trên 3 năm	21.000.000	21.000.000	Quá hạn trên 3 năm	21.000.000	21.000.000
Lương Văn Tảo (dư trên 138)	Quá hạn trên 3 năm	7.000.000	7.000.000	Quá hạn trên 3 năm	7.000.000	7.000.000
Cộng		6.163.679.065	5.722.177.583		6.609.826.328	5.137.379.581

